



**Merkblatt für Fachkräfte mit akademischer Ausbildung**

**Hướng dẫn thủ tục xin cấp thị thực cho người có trình độ chuyên môn đã qua đào tạo đại học**

Vollständiger Name des Antragstellers: \_\_\_\_\_ (Họ và tên)  
Staatsangehörigkeit: \_\_\_\_\_ (Quốc tịch)

Die nachfolgenden Unterlagen **IM ORIGINAL** sind bei einer Visumantragstellung bei den deutschen Auslandsvertretungen in Vietnam vollständig im Rahmen einer persönlichen Vorsprache des Antragstellers vorzulegen.

*Người xin thị thực phải trực tiếp có mặt và nộp đầy đủ các giấy tờ nêu dưới đây (nộp **BẢN GỐC**) tại Cơ quan đại diện CHLB Đức tại Việt Nam.*

Es wird darum gebeten, die Dokumente in der unten aufgeführten Reihenfolge zu sortieren.

*Xin vui lòng sắp xếp giấy tờ theo thứ tự trong danh sách này.*

Jede Unterlage muss jeweils im Original + eine einfache (unbeglaubigte) Kopie eingereicht werden. Bitte fertigen Sie von allen Dokumenten, die nicht bereits in deutscher Sprache vorhanden sind (außer englischsprachige Unterlagen), eine Übersetzung ins Deutsche an.

*Đối với mỗi giấy tờ, Quý vị phải cung cấp bản gốc + 1 bản sao không cần công chứng. Quý vị vui lòng nộp kèm bản dịch ra tiếng Đức tất cả những giấy tờ không bằng tiếng Đức (trừ những giấy tờ bằng tiếng Anh).*

**Bitte kreuzen Sie für alle Unterlagen, die Sie vorlegen, die Kästchen in der rechten Spalte an, und unterschreiben Sie am Ende das Merkblatt auf der letzten Seite.**

**Đề nghị Quý vị đánh dấu giấy tờ có nộp vào các ô ở cột bên phải và kí tên xác nhận ở trang cuối cùng của bản hướng dẫn**

Dem Visumantrag müssen nachfolgende Unterlagen beigelegt werden:	Vom Antragsteller eingereicht <i>Người xin thị thực có nộp</i>	Nur durch VFS/AV auszufüllen <i>Chỉ điền bởi nhân viên VFS/Cơ quan đại diện Đức</i>	Anmerkungen <i>Ghi chú</i>
<b>Hồ sơ xin cấp thị thực phải có những giấy tờ sau:</b>			
<b>1. Vollständig ausgefülltes und vom Antragsteller unterschriebenes Antragsformular für nationale Visa (<a href="#">Online-Antragsformular „VIDEX“</a>)</b>  <i>Tờ khai xin cấp thị thực quốc gia (thị thực dài hạn), được khai đầy đủ và có chữ ký của người nộp đơn (<a href="#">tờ khai trực tuyến „VIDEX“</a>).</i>			
<b>2. Zwei aktuelle biometrische Passfotos (45mm x 35mm) (<a href="#">Fotomustertafel</a>)</b> Bitte kleben Sie nur ein Passfoto auf das Antragsformular auf und legen Sie das zweite lose bei.  <i>Hai ảnh hộ chiếu sinh trắc học, cỡ 45 mm x 35mm (<a href="#">Hướng dẫn về ảnh chụp xin cấp thị thực</a>). Đề nghị Quý vị dán 1 ảnh vào tờ khai xin cấp thị thực và nộp 1 ảnh để rời.</i>			
<b>3. Gültiger Reisepass (oder anerkanntes Passersatzdokument)</b>  <i>Hộ chiếu có giá trị (hoặc giấy tờ thay thế hộ chiếu được công nhận).</i>			
<b>4. Tabellarischer und lückenloser Lebenslauf</b> Insbesondere mit Darstellung der bisherigen Ausbildung bzw. Berufstätigkeit			



<p><b>Lý lịch theo trình tự thời gian liên tục bằng tiếng Đức.</b> <i>Đặc biệt phải trình bày quá trình đào tạo hoặc nghề nghiệp từ trước đến nay.</i></p>			
<p><b>5. Hochschulabschluss</b> Ob Sie einen anerkannten ausländischen Hochschulabschluss oder einen einem deutschen vergleichbaren ausländischen Hochschulabschluss besitzen, können Sie in der Datenbank <a href="http://anabin.kmk.org/">ANABIN</a> abfragen: <a href="http://anabin.kmk.org/">http://anabin.kmk.org/</a> - die Ausdrücke zum Abschluss und zur Hochschule müssen vorgelegt werden. Sollte Ihr Abschluss/Ihre Hochschule nicht in der Datenbank eingetragen sein, müssen Sie diese zunächst von der ZAB (<a href="#">Zentralstelle für ausländisches Bildungswesen</a>) anerkennen lassen.</p> <p><b>Bằng tốt nghiệp đại học</b> <i>Để biết bằng tốt nghiệp đại học nước ngoài của Quý vị có được công nhận hoặc có giá trị tương đương bằng tốt nghiệp đại học của Đức không, Quý vị có thể tra cứu trong ngân hàng dữ liệu <a href="#">ANABIN</a> - Quý vị phải nộp bản in kết quả tra cứu bằng tốt nghiệp và kết quả tra cứu trường đại học. Nếu bằng tốt nghiệp/trường đại học của Quý vị không có trong ngân hàng dữ liệu, Quý vị phải đề nghị <a href="#">ZAB (Cơ quan trung ương về giáo dục đào tạo nước ngoài)</a> công nhận.</i></p>			
<p><b>6. Konkretes Arbeitsplatzangebot</b> Arbeitsvertrag oder verbindliche Arbeitsplatzzusage mit Aufgabenbeschreibung, Angaben zum Bruttojahresgehalt und Hinweis zu erforderlichen Sprachkenntnissen</p> <p>Die angestrebte Tätigkeit muss eine qualifizierte Beschäftigung darstellen. Eine qualifizierte Beschäftigung liegt vor, wenn zu ihrer Ausübung Fertigkeiten, Kenntnisse und Fähigkeiten erforderlich sind, die in einem Studium oder in einer qualifizierten Berufsausbildung erworben werden.</p> <p><b>Thông báo tuyển dụng cụ thể</b> <i>Hợp đồng lao động hoặc thư mời nhận việc với thông tin mô tả công việc, mức lương trước thuế hàng năm và yêu cầu về trình độ ngôn ngữ. Việc làm dự kiến phải là một công việc chuyên môn. Công việc chuyên môn là công việc mà để thực hiện nó người lao động phải có các kỹ năng, kiến thức và năng lực tích lũy trong quá trình học đại học hoặc học nghề chuyên ngành.</i></p>			
<p><b>7. Erklärung zum Beschäftigungsverhältnis im Original</b> Das Formular muss vom zukünftigen Arbeitgeber vollständig ausgefüllt werden.</p> <p><b>Bản gốc „Tuyên bố về quan hệ lao động“:</b> <i>Bản tuyên bố về quan hệ lao động phải được người sử dụng lao động khai đầy đủ và ký tên.</i></p>			
<p><b>8. ggf. Berufsausübungserlaubnis</b></p> <p>Für bestimmte Berufe, u.a. im Bereich Medizin (sog. Reglementierte Berufe) ist eine Berufsausübungserlaubnis erforderlich. Ob dies auf Sie zutrifft, können Sie unter <a href="http://www.erkennung-in-deutschland.de">www.erkennung-in-deutschland.de</a> prüfen.</p> <p><b>Nếu phù hợp: giấy phép hành nghề</b> <i>Đối với một số ngành nghề nhất định, trong đó có những ngành nghề thuộc lĩnh vực y tế (được gọi là những ngành nghề được quản lý), cần phải có giấy phép hành nghề. Để biết mình có thuộc những trường hợp như vậy không, quý vị có thể kiểm tra trên trang web: <a href="http://www.erkennung-in-deutschland.de">www.erkennung-in-deutschland.de</a></i></p>			
<p><b>9. ggf. Sprachnachweis</b></p>			



In folgenden Fällen müssen Deutsch-Kenntnisse auf einem bestimmten Niveau nachgewiesen werden:  
- bei reglementierten Berufen (siehe 8.), welchen Nachweis Sie benötigen, erfahren Sie ebenfalls unter [www.anererkennung-in-deutschland.de](http://www.anererkennung-in-deutschland.de)

- bei IT-Spezialisten ohne akademische Ausbildung: Deutsch-Kenntnisse auf Niveau B1  
Der Nachweis muss durch ein anerkanntes Sprachzertifikat erfolgen.

Dies trifft derzeit für folgende Sprachzertifikate zu:

- Sprachzertifikate des Goethe-Instituts e.V.
- Sprachzertifikate der telc GmbH
- Sprachzertifikate des Österreichischen Sprachdiploms (ÖSD)
- „TestDaF“ des TestDaF-Instituts e.V. (Institut der Fernuniversität Hagen und der Ruhr-Universität Bochum, Prüfungs-niveau erst ab Stufe B2 GER)
- Sprachzertifikate des ECL Prüfungszentrums

Deutsche Sprachkenntnisse sind für alle anderen Fälle nicht verpflichtend, erhöhen aber die Plausibilität des Visumantrags.

***Nếu phù hợp: Chứng nhận về trình độ ngôn ngữ***

*Trong những trường hợp sau, phải chứng minh trình độ tiếng Đức ở một cấp độ nhất định:*

- Đối với các ngành nghề được quản lý (xem mục 8): để biết phải có trình độ tiếng Đức ở cấp độ nào, quý vị có thể xem thông tin trên trang web: [www.anererkennung-in-deutschland.de](http://www.anererkennung-in-deutschland.de)

- Đối với chuyên gia công nghệ thông tin chưa qua đào tạo đại học: cần có trình độ tiếng Đức bậc B1  
Để chứng minh trình độ tiếng Đức phải trình chứng chỉ tiếng Đức được công nhận.

*Các chứng chỉ được công nhận hiện nay gồm:*

- Chứng chỉ tiếng Đức của Viện Goethe
- Chứng chỉ tiếng Đức của telc GmbH
- Chứng chỉ tiếng Đức của Áo ÖSD
- “TestDaF” của Viện TestDaF (trực thuộc Đại học từ xa Hagen và Đại học tổng hợp Ruhr Bochum, trình độ để tham dự kỳ thi là từ B2 trở lên)
- Chứng chỉ tiếng Đức của Trung tâm khảo thí ECL

*Đối với tất cả các trường hợp khác, không bắt buộc phải có trình độ tiếng Đức, nhưng nếu có thì sẽ làm tăng tính hợp lý của hồ sơ thị thực.*

**10. Nachweis über ausreichenden Krankenversicherungsschutz für die Einreise** gültig ab dem gewünschten Einreisetag und für eine Dauer von mindestens drei Monaten

***Chứng nhận có đủ bảo hiểm y tế để nhập cảnh***, cho thời gian tối thiểu 3 tháng kể từ ngày nhập cảnh mong muốn.

**(Optional) Vorabzustimmung der Bundesagentur für Arbeit bzw. der Ausländerbehörde** (bzw. beim **beschleunigten Fachkräfteverfahren** gem. § 81a AufenthG. Ist darauf eine AZR-Nummer angegeben, braucht die Vorabzustimmung nur in Kopie vorgelegt werden.)

***(Tùy chọn, không bắt buộc) Văn bản đồng ý trước với việc nhập cảnh của Cơ quan Lao động liên bang Đức hoặc Sở Ngoại kiều tại Đức*** (Đối với thủ tục rút gọn dành cho với người có trình độ chuyên môn theo điều 81a Luật Cư trú Đức. Nếu trong Văn bản đồng ý trước có thông tin về mã số ngoại kiều trong Cơ sở dữ liệu ngoại kiều trung ương, thì chỉ cần nộp bản sao của Văn bản đồng ý trước).

**Blaue Karte**

Eine Blaue Karte wird erteilt, wenn folgende Voraussetzungen erfüllt sind



- Das Arbeitsverhältnis sieht eine Beschäftigungsdauer von mindestens 6 Monaten vor.
- Ihr Bruttogehalt liegt über dem Schwellenwert (Stand: 2024)
  - Akademiker mit Berufserfahrung: 45.300 € pro Jahr
  - Mangelberufe ([Liste zum Download](#)): 41.041, 80 € pro Jahr
  - Berufseinsteiger innerhalb von 3 Jahren nach Hochschulabschluss: 41.041, 80 € pro Jahr
  - IT-Spezialisten: 41.041, 80 €

### **Thẻ xanh**

Để được cấp Thẻ xanh phải đáp ứng các điều kiện sau:

- Hợp đồng lao động có thời hạn ít nhất 6 tháng.
- Tổng lương trước thuế cao hơn ngưỡng quy định (của năm 2024)
  - Người có trình độ từ đại học trở lên, có kinh nghiệm chuyên môn: 45.300 Euro/ 1 năm
  - Đối với ngành nghề thiếu nhân lực ([tài danh sách tại đây](#)): 41.041,80 Euro/ 1 năm
  - Người mới vào nghề, đang trong giai đoạn 3 năm đầu tiên sau khi tốt nghiệp đại học: 41.041, 80 Euro/ 1 năm

Chuyên gia công nghệ thông tin: 41.041,80 Euro/ 1 năm

**Bitte beachten Sie:** Bei Fachkräften ab 44 Jahren muss unter Umständen eine angemessene Altersvorsorge nachgewiesen werden. Bitte kontaktieren Sie vor der Beantragung die Auslandsvertretung für nähere Informationen.

**Xin lưu ý:** Trong trường hợp nhất định, người có trình độ chuyên môn từ 44 tuổi trở lên có thể phải nộp bằng chứng về việc có lương hưu hợp lý. Quý vị vui lòng liên hệ với Đại sứ quán/Tổng Lãnh sự quán Đức để biết thêm thông tin.

### **Durch meine Unterschrift bestätige ich, dass ich folgende Informationen verstanden habe:**

Für die Dauer der Bearbeitung meines Visumantrags verbleibt der Reisepass bei der Visastelle der deutschen Auslandsvertretung.

Unvollständig abgegebene Antragsunterlagen können eine längere Bearbeitungsdauer notwendig machen oder zu einer Ablehnung des Visumantrags führen.

Verweigerte, bewusst falsche oder unvollständige Angaben im Visumverfahren können ein Ausweisungsinteresse begründen.

Die deutschen Auslandsvertretungen in Vietnam behalten sich das Recht vor, weitere, über die o.g. Liste hinausgehende Unterlagen oder Informationen bei Bedarf nachzufordern.

**Với việc ký tên dưới đây, tôi xác nhận đã hiểu rõ các thông tin sau:**

Hộ chiếu của tôi sẽ được lưu tại Phòng Thị thực của Cơ quan đại diện CHLB Đức trong thời gian xử lý hồ sơ xin cấp thị thực.

Việc nộp hồ sơ không đầy đủ giấy tờ có thể làm cho thời gian xử lý bị kéo dài hoặc hồ sơ bị từ chối.

Việc từ chối cung cấp thông tin, cố ý cung cấp thông tin sai lệch hoặc không đầy đủ trong quá trình xin cấp thị thực có thể là lý do để trục xuất.

Ngoài những giấy tờ nêu trên, Cơ quan đại diện CHLB Đức có quyền yêu cầu bổ sung thêm các giấy tờ hoặc thông tin khác nếu cần thiết.

**Ort und Datum/Địa điểm và ngày**

**Unterschrift des Antragstellers/Chữ ký của người nộp đơn**



Vertretungen der  
Bundesrepublik Deutschland  
in Vietnam